

Âm trần áp suất tĩnh cao

Models

ARXC036GTEH

Models

ARXC072GTEH / ARXC090GTEH

Models

ARXC96GTEH



ARXC036



ARXC072 ARXC090

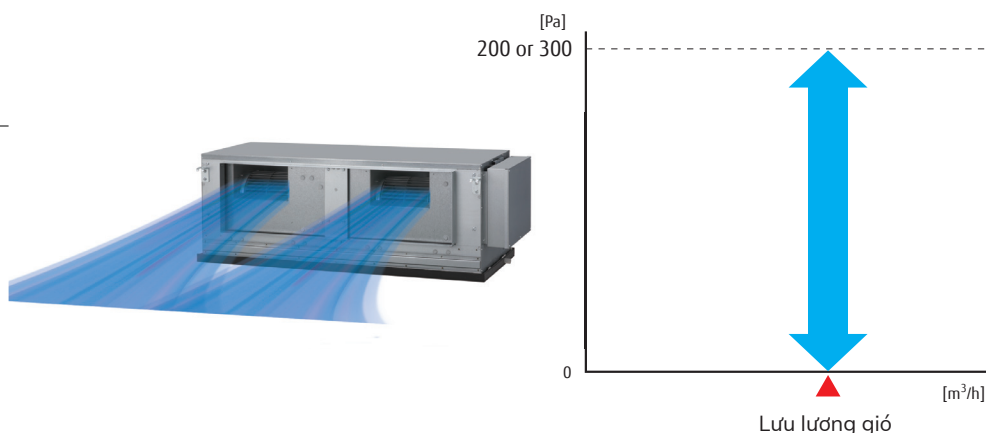


ARXC96

ĐẶC TRƯNG

Lựa chọn áp suất tĩnh

Bằng cách sử dụng động cơ quạt DC, có thể thay đổi dải áp suất tĩnh từ 0 đến 200Pa (Kiểu 36) / 300Pa (kiểu 72/90/96).



Tối đa
200 Pa

(36 model)



Tối đa
300 Pa

(72 / 90 models)



Tối đa
300 Pa

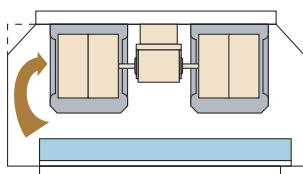
(96 model)



Ít tiếng ồn

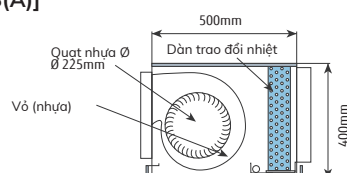
36 model

Cắt bỏ các góc của bảng điều khiển phía trước dàn lạnh thông thường và vỏ quạt, đã cho phép luồng gió tập ít hơn. Giảm tiếng ồn bằng cách sử dụng vỏ nhựa và quạt nhựa.



36 model : Plastic fan [42dB(A)]

* Model : Chất liệu (Tại 100 Pa : đo tiếng ồn thực tế)



Tiêu thụ điện năng thấp bởi động cơ quạt DC hiệu suất cao

Cải thiện hiệu suất động cơ từ Model trước..

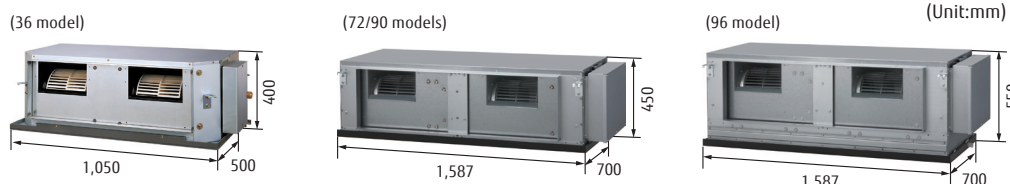


(36 model)



(72 / 90 / 96 models)

Dàn lạnh kích thước nhỏ gọn & nhẹ đã được nâng cấp bằng cách giảm tổng thể khung gầm cơ bản và trọng lượng chất liệu.

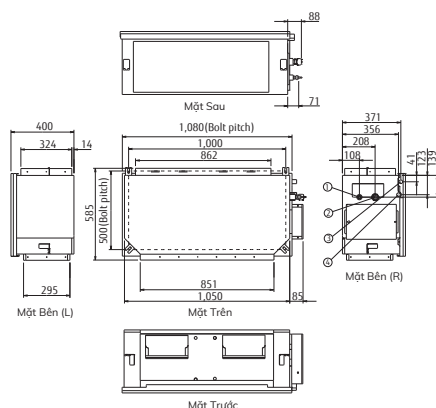


Bộ lọc tuổi thọ cao: UTD-LF60KA (Dành cho 36 model)
 Bộ Mặt tín hiệu: UTY-TRHX
 Bộ cảm biến từ xa: UTY-XSZX
 Thiết bị bổ sung điện áp: UTZ-GXXA

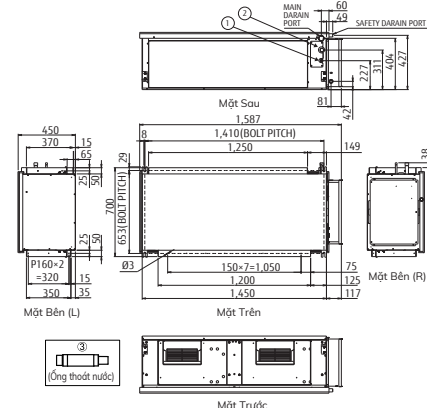
Model			ARXC036GTEH	ARXC072GTEH	ARXC090GTEH	ARXC096GTEH
Nguồn cấp			Single phase, ~230V, 50Hz			
Công suất	Làm lạnh	kW	11.2	22.4	25.0	28.0
	Sưởi ấm		12.5	25.0	28.0	31.5
Công suất điện		W	207	681	819	838
Lưu lượng gió	Cao	m³/h	1,990	3,900	4,300	4,850
	Trung bình		1,680	3,300	4,000	4,250
	Thấp		1,330	3,000	3,500	3,600
Phạm vi áp suất tĩnh		Pa	0 to 200	0 to 300	0 to 300	0 to 300
Áp suất tĩnh tiêu chuẩn			100	150	150	150
Độ ồn	Cao	dB (A)	42	47	48	48
	Trung Bình		36	43	46	45
	Thấp		32	40	44	42
Kích thước(H × W × D)		mm	400 × 1,050 × 500	450 × 1,587 × 700	450 × 1,587 × 700	550 × 1,587 × 700
Trọng lượng		kg	40	84	84	105
Đường ống kết nối	Ống lỏng	mm	9.52 (Flare)	9.52 (Flare)	9.52(Flare)	9.52 (Brazing)
	Ống hơi		15.88 (Flare)	19.05(Flare)	19.05(Flare)	22.22 (Brazing)
Ống nối ngang (DI / DN)			25 / 32			

Lưu ý: Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau.
 Làm mát: Nhiệt độ trong nhà 27°CDB / 19°CWB, và nhiệt độ ngoài trời 35°CDB / 24°CWB.
 Làm nóng: Nhiệt độ trong nhà 20°CDB / (15°CWB) và nhiệt độ ngoài trời 7°CDB / 6°CWB.
 Chiều dài ống: 7,5 m; Chiều lệch chiều cao giữa dàn nóng và dàn lạnh: 0 m. Điện áp: 230 V.

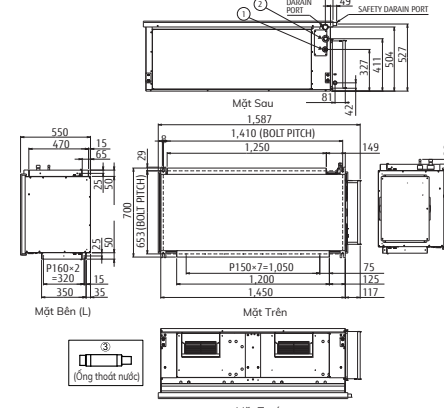
Models: ARXC036



- ① Đường kính ống môi chất (Lỏng)
- ② Đường kính ống môi chất (Hơi)
- ③ Kết nối ống nước



- ① Đường kính ống môi chất (Lỏng)
- ② Đường kính ống môi chất (Hơi)
- ③ Kết nối ống nước



- ① Đường kính ống môi chất (Lỏng)
- ② Đường kính ống môi chất (Hơi)
- ③ Kết nối ống nước

Âm trần áp suất tĩnh cao

Models

ARXC45GATH / ARXC60GATH

Models

ARXC72GATH / ARXC90GATH



ARXC45 ARXC60



ARXC72 ARXC90

ĐẶC TRƯNG

Dễ dàng lắp đặt

(Kích thước nhỏ gọn & Nhẹ)

Models : ARXC45 / ARXC60

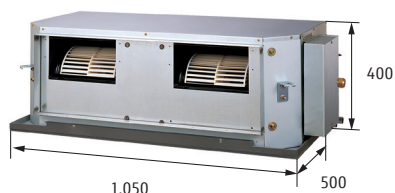
Dàn lạnh Kích thước nhỏ gọn & nhẹ đã được nâng cấp bằng cách giảm tổng thể khung gầm cơ bản và trọng lượng chất liệu.

Volume
47.5 %
down

Weight
42 %
down

ARXC45/60GATH : 43kg

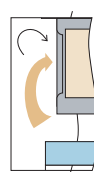
(Đơn vị:mm)



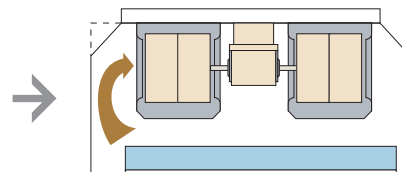
Ít tiếng ồn

Models : ARXC45 / ARXC60

Cắt bỏ các góc của bảng điều khiển phía trước dàn lạnh thông thường và vỏ quạt, đã cho phép luồng gió tập ít hơn. Giảm tiếng ồn bằng cách sử dụng vỏ nhựa và quạt nhựa.



Model trước



Model mới

Lựa chọn theo áp suất tĩnh

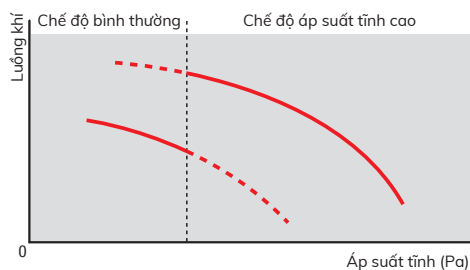
Models : ARXC72 / ARXC90

Có thể lựa chọn 2 loại chế độ áp suất tĩnh.

Tối đa
300 Pa

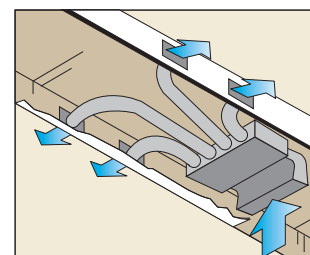
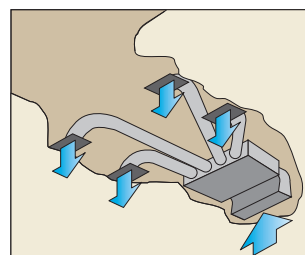


DL áp suất tĩnh cao (ARXC72)



Việc sử dụng động cơ quạt một pha cho phép điều khiển 3 mức tốc độ quạt.

Các kiểu lắp đặt



Phần tùy chọn

Bộ lọc tuổi thọ cao: UTD-LF60KA (Dành cho model 45/60)

Bộ Mất tín hiệu: UTB-YWC

Bộ cảm biến từ xa: UTY-XSZX



Thông số kỹ thuật

Model			ARXC45GATH	ARXC60GATH	ARXC72GATH	ARXC90GATH
Nguồn cấp			Single phase, ~230V, 50Hz			
Công suất	Làm mát	kW	12.5	18.0	22.4	25.0
	Sưởi		14.0	20.0	25.0	28.0
Nguồn điện đầu vào		W	715	730	1,110	1,250
Lưu lượng gió	Cao	m³/h	3,000	3,350	3,900	4,300
	Trung bình		2,700	2,850	3,300	4,000
	Thấp		2,300	2,550	3,000	3,500
Phạm vi áp suất tĩnh		Pa	100 to 250	100 to 250	50 to 300	100 to 300
Áp suất tĩnh tiêu chuẩn			100	100	260	250
Độ ồn	Cao	dB (A)	47	48	51	53
	Trung bình		43	44	48	51
	Thấp		40	41	45	49
Kích thước (H x W x D)		mm	400 x 1,050 x 500	400 x 1,050 x 500	450 x 1,550 x 700	450 x 1,550 x 700
Trọng lượng		kg	46	46	83	85
Đường ống kết nối	Liquid	mm	9.52 (Flare)	9.52 (Flare)	12.70 (Brazing)	12.70 (Brazing)
	Gas		19.05 (Flare)	19.05 (Flare)	22.22 (Brazing)	22.22 (Brazing)
Ống nước ngưng (DL/DN)				25 / 32		

Lưu ý: Thông số kỹ thuật dựa trên các điều kiện sau.

Làm mát: Nhiệt độ trong nhà 27°CDB / 19°CWB, và nhiệt độ ngoài trời 35°CDB / 24°CWB.

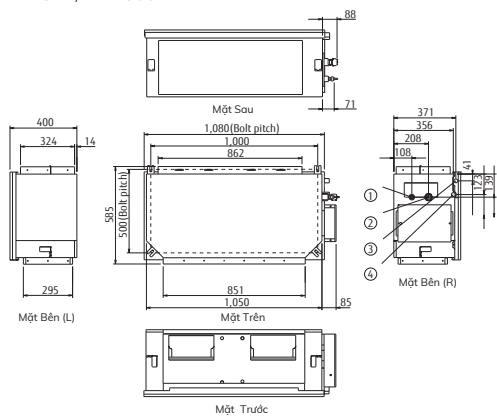
Làm nóng: Nhiệt độ trong nhà 20°CDB / (15°CWB) và nhiệt độ ngoài trời 7°CDB / 6°CWB.

Chiều dài ống: 7,5 m; Chênh lệch chiều cao giữa dàn nóng và dàn lạnh: 0 m. Điện áp: 230 [V].

*: Các model 60/72/90 không thể được kết nối với dòng J-III và dòng J-IIS.

Kích thước (Đơn vị: mm)

Models: ARXC45, ARXC60



- ① Đường kính ống môi chất (Lỏng)
- ② Đường kính ống môi chất (Hơi)
- ③ Kết nối ống nước

Models: ARXC72, ARXC90

